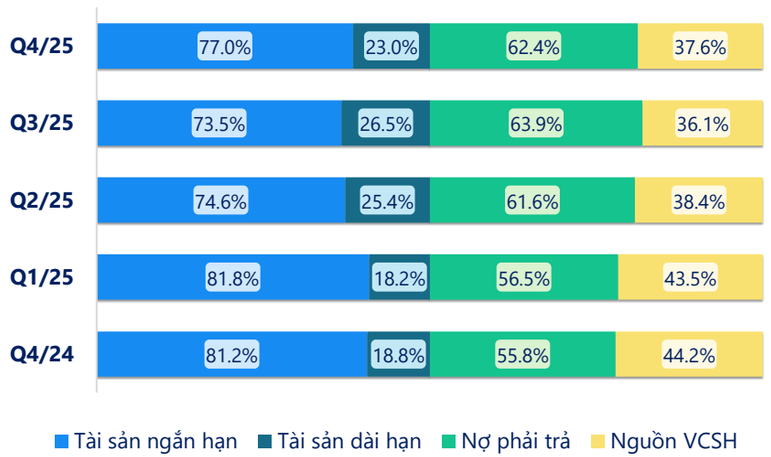
FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	22,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,717
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,250
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	698
P/E	5.7
EPS	3,919

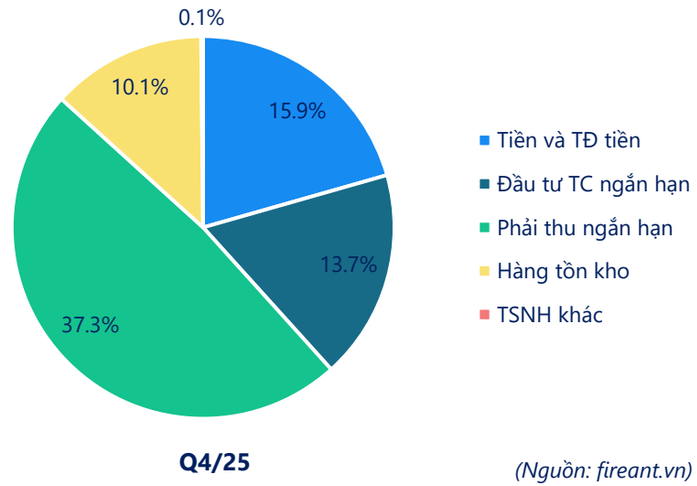
	YTD	1T	3T	6T
CKD	8.1%	0.0%	-0.6%	-4.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



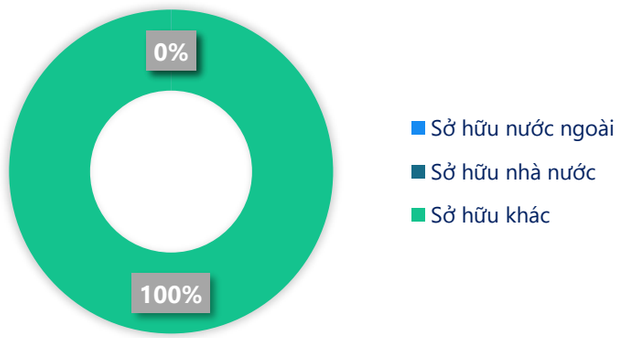
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



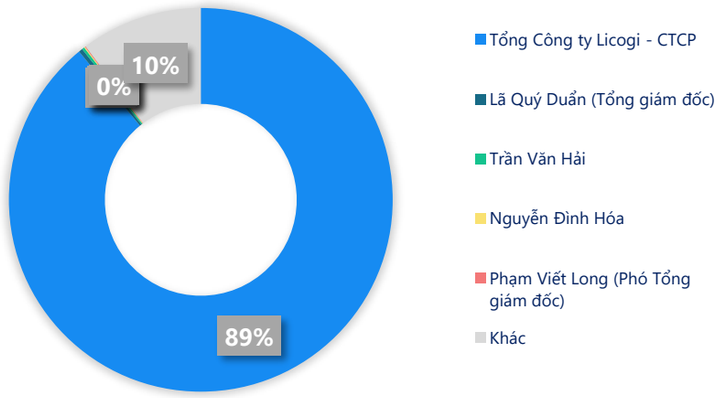
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



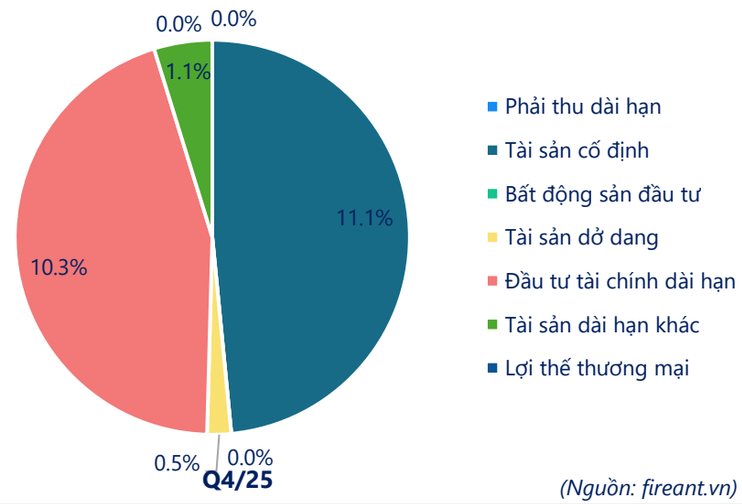
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

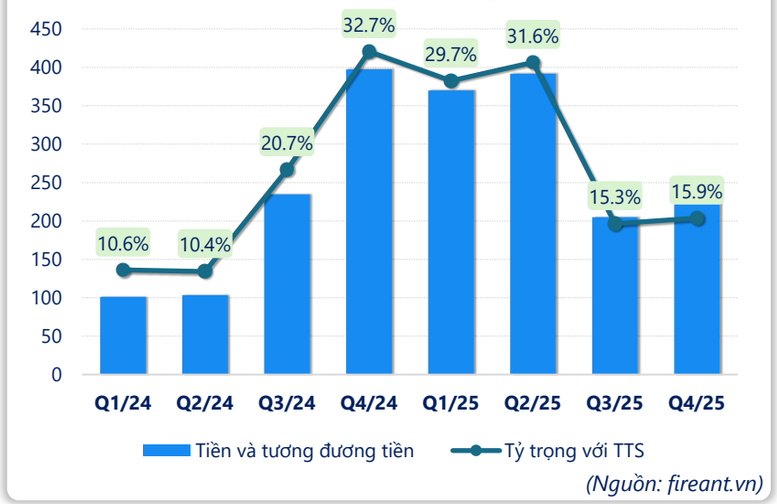


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

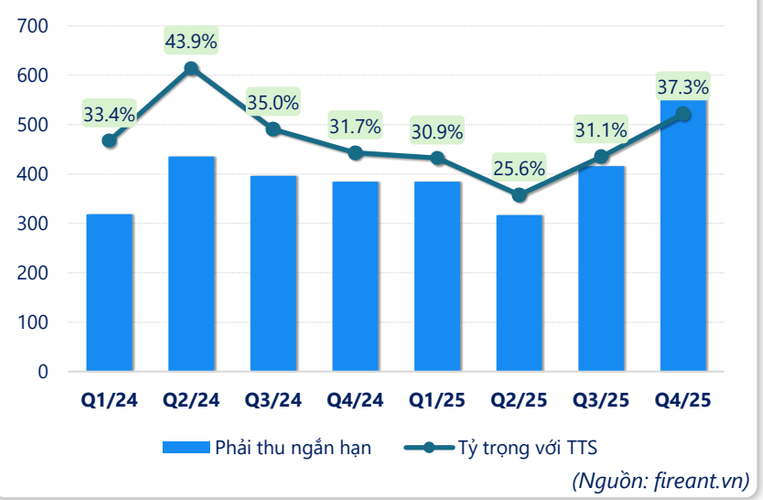
CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Tiền và tương đương tiền



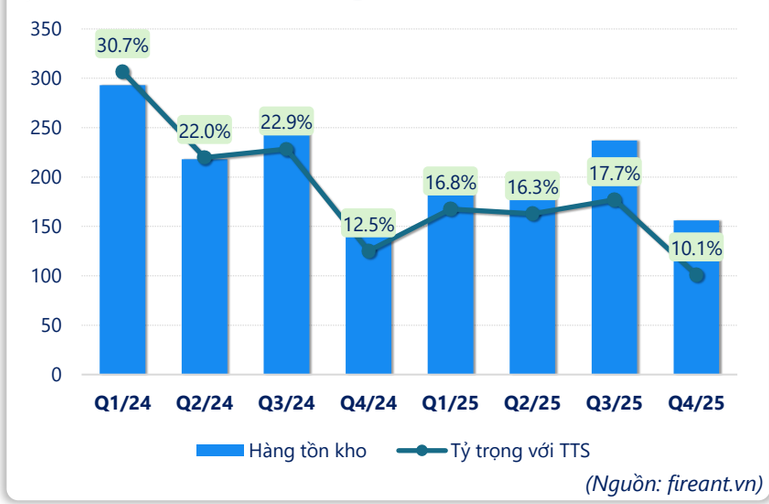
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



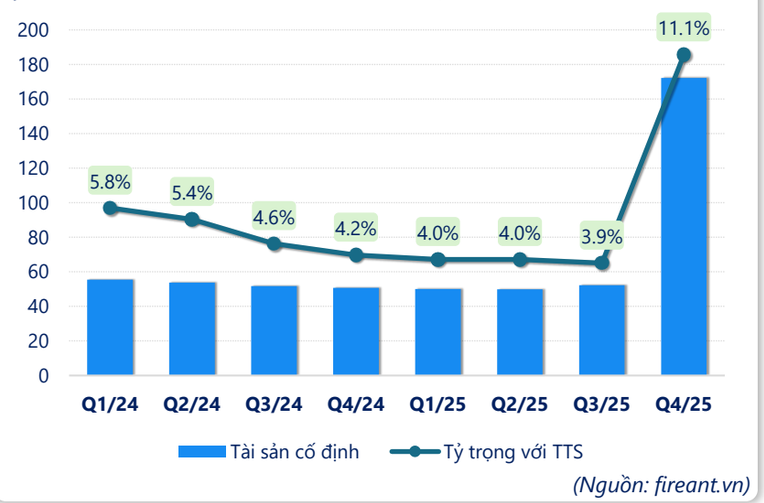
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



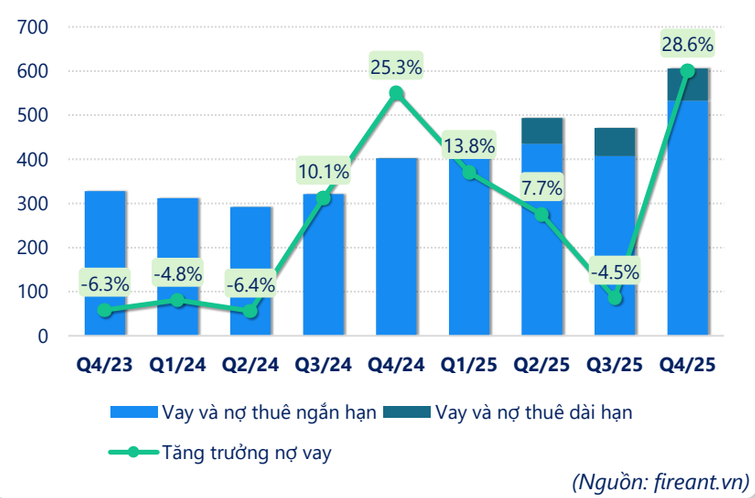
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



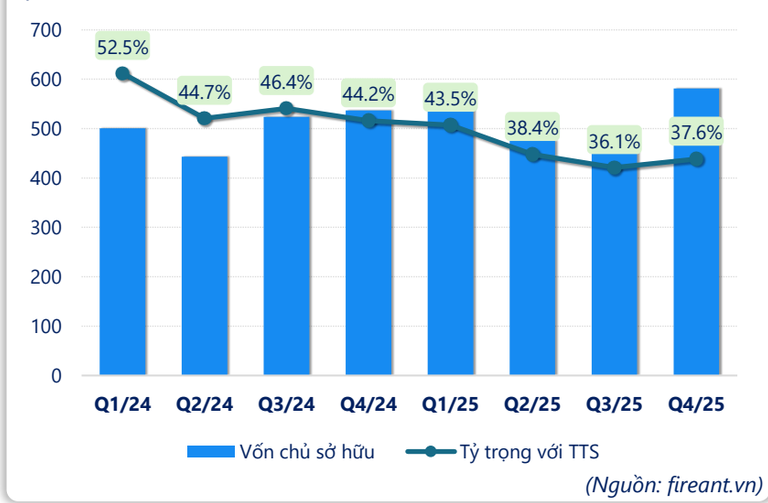
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

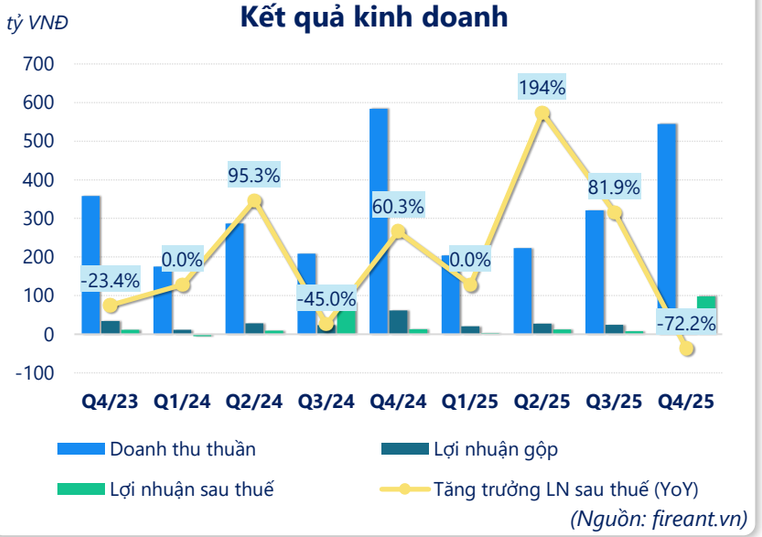


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

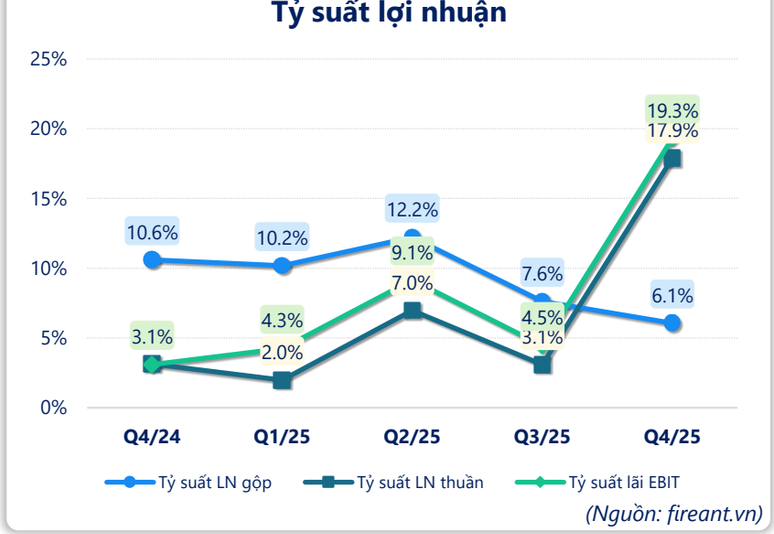
CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

Kết quả kinh doanh



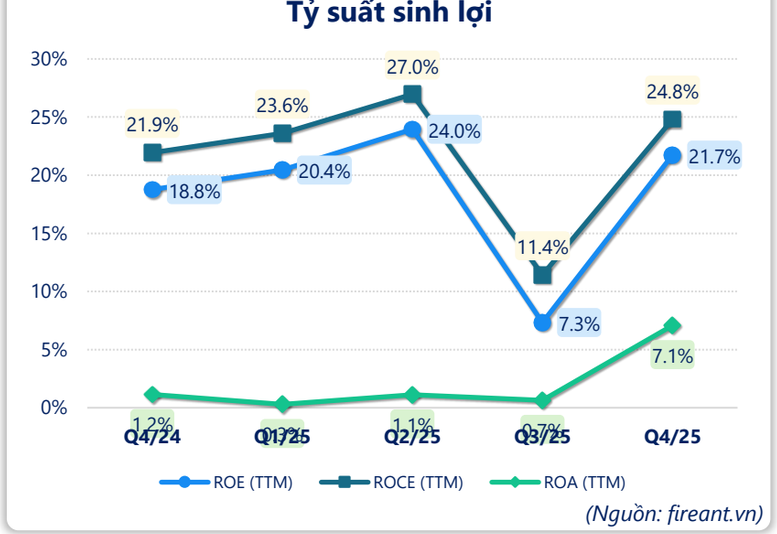
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



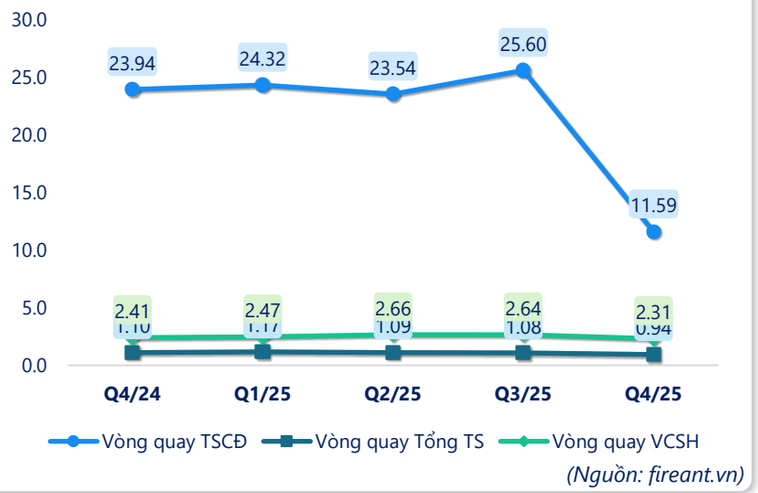
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



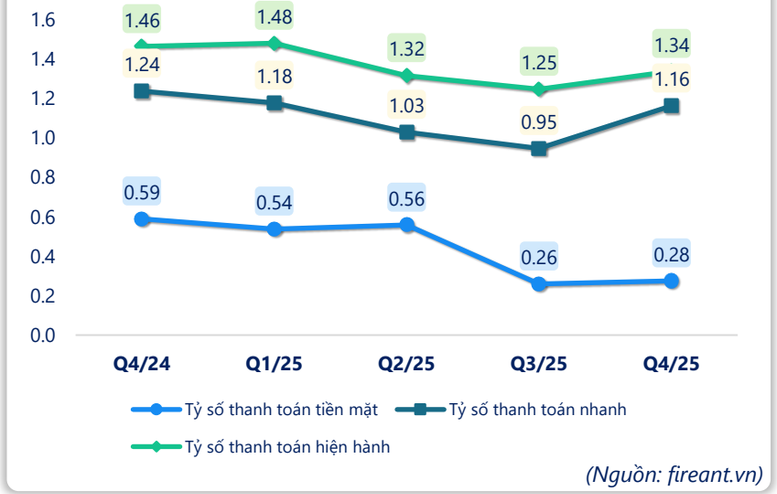
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



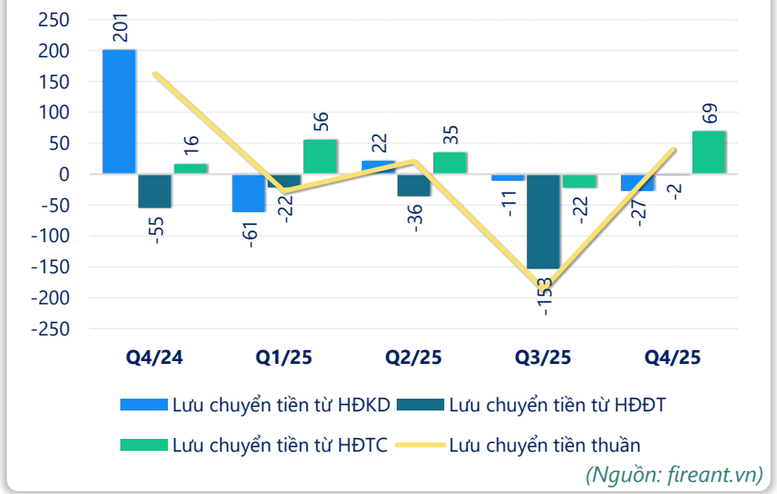
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,547**	**1,214**	**27.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,192	986	20.9%
Tiền và tương đương tiền	245	397	-38.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	51.3	312%
Phải thu ngắn hạn	577	384	50.1%
Hàng tồn kho	156	152	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	1.01	97.6%
Tài sản dài hạn	**355**	**228**	**55.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	172	50.8	239%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.97	4.05	72.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**17.0**	**14.1**	**19.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	966	677	42.6%
Nợ ngắn hạn	**891**	**674**	**32.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	533	402	32.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	173	165	4.9%
Nợ dài hạn	75.4	3.57	2011%
Vay và nợ thuê dài hạn	72.8	0.88	8153%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**581**	**537**	**8.2%**
Vốn chủ sở hữu	**581**	**537**	**8.2%**
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	584	204	223	321	544
Giá vốn hàng bán	522	183	196	296	511
Lợi nhuận gộp	61.9	20.8	27.3	24.4	33.0
Doanh thu HĐTC	3.87	4.53	5.74	3.51	95.3
Chi phí TC	3.70	4.58	4.95	4.17	6.32
Chi phí lãi vay	0.36	4.58	4.95	4.17	6.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.7	9.03	4.55	7.13	12.0
Chi phí QLDN	29.0	7.64	7.93	6.78	12.7
LN thuần từ HĐKD	18.3	4.06	15.6	9.89	97.4
Lợi nhuận khác	-0.61	0.05	-0.12	0.22	1.65
LN trước thuế	17.7	4.11	15.5	10.1	99.0
Lợi nhuận sau thuế	13.2	3.24	12.5	8.02	97.7
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	3.24	12.5	8.02	97.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	201	-61.3	21.6	-10.7	-27.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.9	-21.5	-35.8	-153	-1.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.4	55.6	35.1	-22.2	69.4
Tiền đầu kỳ	234	397	370	392	205
Lưu chuyển tiền thuần	**163**	**-27.3**	**20.9**	**-186**	**40.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.91	-0.91	0
Tiền cuối kỳ	397	370	392	205	245

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic